TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2019
"*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và chia tài sản chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hoàng
2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ba Ong Thị Ngọc Tâm là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017, "Về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phạm Thị X, sinh năm: 1975;
Địa chỉ: Tổ 10, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Hữu Phước – Văn phòng Luật sư Lê Phước, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Huỳnh Ngọc N, sinh năm: 1974;
Địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1938;
Địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;
Chị X, ông Phước có mặt; anh N, ông T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Phạm Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nữa, do anh N không có trách nhiệm với gia đình, chị X khuyên can nhiều lần nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không hợp về tính tình, cách sống, chị hoàn toàn không còn tình cảm gì nữa. Anh N không còn trách nhiệm làm chồng, làm cha, tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng xấu đi. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Chị và anh N đã ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay chị X yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 25/12/1999. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung:

- 01 chiếc xe gắn máy Honda Dream, biển số xe 66M3-7510, trị giá 16.000.000 đồng, anh N đứng tên xe và hiện đang sử dụng. Sau khi ly hôn, chị X đồng ý để anh N tiếp tục quản lý sử dụng, chị X yêu cầu được chia đôi phần tài sản này để nhận ½ giá trị tài sản theo giá Hội đồng định giá đã định.

- Vợ chồng có cố đất tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang của ông Lê Văn G với số tiền là 100.000.000 đồng hết hạn là tháng 8/2017. Hiện nay, ông G đã trả cho anh N số tiền 100.000.000đ. Chị X yêu cầu anh N đưa lại ½ số tiền này là 50.000.000 đồng.

- Diện tích đất nền nhà ngang đo đạc thực tế có diện tích là 181,3m^2, thửa 2702, tờ bản đồ số 01, tại ấp Đ, xã T, thành phố C, Đồng Tháp do anh N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, anh N đang quản lý sử dụng, trị giá nền nhà là 50.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị X đồng ý giao cho anh N tiếp tục sử dụng quản lý, chị X yêu cầu anh N đưa lại ½ giá trị tài sản với số tiền là 25.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa chị X yêu cầu chia ½ giá trị 09 cây xoài trên đất.

- Vợ chồng có mua 01 bộ gỗ cất nhà trị giá 63.000.000 đồng hiện anh N quản lý sử dụng, anh N thống nhất chia đôi, anh N nhận gỗ và đưa chị X nhận ½ số tiền là 31.500.000 đồng

Về nợ chung: Không có.

Anh Huỳnh Ngọc N trình bày: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/8/2017 anh Huỳnh Ngọc N thừa nhận về việc chị X trình bày về thời gian kết hôn, cũng như trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và hai người đã không sống chung đã hơn hai năm. Nhưng anh N không đồng ý ly hôn với chị X do còn tình cảm.

Về tài sản chung thì anh N không có ý kiến với yêu cầu của chị X.

Ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Khi anh N chuyển nhượng đất của ông H thì ông T có cho riêng anh N 10 chỉ vàng 24k (tương đương 38.000.000đ); Ngoài ra ông T còn cho anh N mượn 110.000.000đ để xây dựng nhà; các khoản tiền ông T trình bày thì không có giấy tờ gì chứng minh. Nay chị X yêu cầu chia tài sản chung nên ông T yêu cầu vợ chồng anh N trả số tiền 110.000.000đ.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Ngọc N và ông Huỳnh Ngọc T nhưng anh Huỳnh Ngọc N và ông Huỳnh Ngọc T vắng mặt không có lý do trong các lần được triệu tập.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa đề nghị:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Thị X.

Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc N.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị X được nhận ½ giá trị tài sản các tài sản: 01 xe gắn máy Honda, hiệu Dream biển số xe 66M3-7510; diện tích 190,4m^2 (đo đạc thực tế là 181,3m^2), thửa 2702, (theo giá của Hội đồng định giá); tiền 01 bộ gỗ khung nhà và tiền cố đất.

Về việc tại phiên tòa, chị X yêu cầu chia ½ giá trị 09 cây Xoài là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Việc ông T trình bày có cho anh N mượn 110.000.000đ để xây dựng nhà. Nay chị X yêu cầu chia tài sản chung nên ông T yêu cầu vợ chồng anh N trả số tiền 110.000.000đ. Nhưng do ông T không thực hiện các thủ tục khởi kiện theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Xg và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản chung". Bị đơn anh Huỳnh Ngọc N có địa chỉ tại: Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với anh Huỳnh Ngọc N và ông Huỳnh Ngọc T đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh N và ông T.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Huỳnh Ngọc N kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa chị Phạm Thị X và anh Huỳnh Ngọc N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Giữa chị X và anh N cũng đã cố gắn hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không được và hai người không còn sống chung từ đầu năm 2016 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm

Thị X và anh Huỳnh Ngọc N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị X là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị X và anh N có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 25/12/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết về quyền nuôi con.

[5] Về tài sản chung gồm:

- 01 chiếc xe gắn máy Honda dream, biển số xe 66M3-7510, căn cứ phiếu trả lời xác minh ngày 24/4/2018 của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp thì xe mô tô biển số xe 66M3-7510 do anh Huỳnh Ngọc N đứng tên chủ sở hữu và đăng ký vào ngày 01/3/2010. Đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài chung của vợ chồng nên việc chị X yêu cầu chia ½ giá trị là có căn cứ nên chấp nhận. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 09/5/2018 thì xe mô tô biển số xe 66M3-7510 giá trị còn lại là 12.600.000 đồng.

- Số tiền là 100.000.000 đồng cố đất của ông Lê Văn G. Hiện nay, ông G đã trả tiền cố đất và hiện do anh N quản lý số tiền này. Do vậy, việc chị X yêu cầu anh N chia cho chị được sở hữu số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ.

- Diện tích đất 190,4m^2 (do đạc thực tế là 181,3m^2), thửa 2702, tờ bản đồ số 01, do anh N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý sử dụng. Sau khi ly hôn chị X đồng ý giao cho anh N tiếp tục sử dụng quản lý, chị X yêu cầu anh N đưa lại ½ giá trị tài sản với số tiền là 25.000.000 đồng.

Xét thấy, diện tích đất này được chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân của anh N và chị X nên xác định là tài sản chung của vợ chồng, nên chị X yêu cầu chia đôi giá trị tài sản này là có căn cứ. Tuy nhiên, theo giá của Hội đồng định giá thì giá trị diện tích là 11.965.800 đồng nên chỉ chấp nhận chia theo giá của Hội đồng định giá đã định.

- 01 bộ khung nhà bằng gỗ trị giá 63.000.000 đồng hiện anh N quản lý sử dụng. Theo "*Tờ cam kết ngày 13/4/2017*" anh N thống nhất nhận gỗ và trả cho chị X ½ giá trị với số tiền là 31.500.000 đồng nên nay chị X yêu cầu nhận số tiền này là có căn cứ nên chấp nhận.

Việc tại phiên tòa, chị X yêu cầu chia ½ giá trị 09 cây Xoài là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, tổng cộng giá trị tài sản anh N phải trả cho chị X là 31.500.000 đồng + 50.000.000 đồng + 5.982.900 đồng + 6.300.000 đồng = 93.782.900 đồng.

[6] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[7] Xét việc ông T trình bày có cho anh N mượn 110.000.000đ để xây dựng nhà. Nay chị X yêu cầu chia tài sản chung nên ông T yêu cầu vợ chồng anh N trả số tiền 110.000.000đ. Nhưng do ông T không thực hiện các thủ tục khởi kiện theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này ông T có yêu cầu thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là chỉ có căn cứ và phù hợp một phần như đã phân tích ở trên nên chỉ chấp nhận một phần.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

[10] *Về án phí:* Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a và b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Do đó, chị Phạm Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình về ly hôn là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 4.689.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 08674 ngày 12/6/2017 và 2.863.000 đồng, theo biên lai thu số 08689 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị X còn phải nộp tiếp số tiền 1.826.000 đồng

Anh Huỳnh Ngọc N phải nộp án phí chia tài sản chung là 4.689.000 đồng.

[11] *Chi phí tố tụng gồm:*

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.419.000đ chị X phải chịu theo quy định tại khoản 3 điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; chị X đã tạm ứng và chi xong.

Chi định giá tài sản là 1.100.000đ do chị X đã tạm ứng và chi xong; chị X và anh N mỗi người phải chịu ½ số tiền này theo quy định tại *khoản 2 điều 165* Bộ luật tố tụng dân sự; Nên anh N phải nộp số tiền 550.000đ và chị X được nhận lại số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Thị X.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc N.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung:

Anh Huỳnh Ngọc N được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm: 01 xe gắn máy Honda, hiệu Dream biển số xe 66M3-7510; diện tích 190,4m^2 (đo đạc thực tế là 181,3m^2), thửa 2702, tờ bản đồ số 01, tại ấp Đ, xã T, thành phố C; 01 bộ gỗ khung nhà và 50.000.000 đồng tiền cố đất do ông G trả. Tất cả tài sản trên hiện do anh N đứng tên, quản lý, sử dụng.

Buộc anh Huỳnh Ngọc N có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị X ½ giá trị tài sản chung với số tiền tổng cộng là 93.782.900đ (Chín mươi ba triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Nợ chung: Không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị X phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 4.689.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 08674 ngày 12/6/2017 và 2.863.000 đồng, theo biên lai thu số 08689 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị X còn phải nộp tiếp số tiền 1.826.000 đồng

Anh Huỳnh Ngọc N phải nộp án phí chia tài sản chung là 4.689.000 đồng.

- Chi phí tố tụng gồm:

Chị X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.419.000đ; chị Xang đã tạm ứng và chi xong.

Chi định giá tài sản là 1.100.000đ (Do chị đã tạm ứng và chi xong) chị X và anh N mỗi người phải chịu 550.000đ. Anh N phải nộp số tiền 550.000đ và chị X được nhận lại số tiền này.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng cáo của anh N và ông T được tính kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Phụng - Bùi Thị Hoàng **Nguyễn Phú Thọ**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phú Thọ